

Số: /2025/QĐ-UBND
“DỰ THẢO”

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào đầu tư sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số /TTr-SNNMT ngày .../2025 (kèm Báo cáo thẩm định số ngày .../2025 của Sở Tư pháp); sau khi lấy Phiếu biểu quyết đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh (qua phần mềm Điện tử TDO)....Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày / /2025 và thay thế Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Thủy lợi;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQ VN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Trọng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Những nội dung không có trong quy định này thực hiện theo Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện phân cấp

1. Căn cứ vào quy mô, nhiệm vụ, mức độ phức tạp về kỹ thuật và tầm quan trọng của công trình để phân cấp quản lý; phân định rõ trách nhiệm giữa chức năng quản lý nhà nước và hoạt động khai thác, kinh doanh của đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải có đủ năng lực, kinh nghiệm phù hợp với quy mô, tính chất, yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, hệ thống công trình theo quy định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình thủy lợi là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi, bao gồm: Đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.

2. Đập dâng là đập hoặc tường chắn ngang dòng chảy để nâng cao mực nước thượng lưu và cho phép dòng chảy tràn qua đập.

3. Công trình trên kênh là công trình xây dựng trên hệ thống kênh để phân phối, điều tiết nước và xử lý kỹ thuật, dân sinh như cống lấy nước và phân phối nước ở đầu kênh, cống điều tiết nước trên hệ thống, cống tháo nước ở cuối kênh,

công trình nối tiếp ở chỗ kênh chuyển nước gặp chướng ngại vật (như cầu máng, cống luồn và xi phong, dốc nước và bậc nước), công trình đo nước, cầu giao thông qua kênh, tràn bên, công trình khống chế bùn cát và một số loại công trình phục vụ quản lý vận hành hệ thống kênh.

4. Kênh tiêu là kênh dẫn nước thừa từ mặt ruộng hoặc từ các đối tượng có nhu cầu tiêu nước đến công trình đầu mối tiêu để tiêu ra nơi nhận nước tiêu.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các công trình thủy lợi sau:

a) Đối với hồ chứa nước:

- Hồ chứa nước có dung tích thiết kế toàn bộ $\geq 500.000 \text{ m}^3$ hoặc hồ có chiều cao đập $\geq 10 \text{ m}$;

- Trường hợp các hồ chứa nước có phạm vi phục vụ tưới liên xã (không kể quy mô) thì Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoặc quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

b) Đối với đập dâng nước:

- Đập dâng có chiều cao đập $\geq 10 \text{ m}$;

- Trường hợp các đập dâng có phạm vi phục vụ tưới liên xã (không kể quy mô) thì Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoặc quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

c) Đối với trạm bơm tưới:

- Trạm bơm tưới có tổng lưu lượng thiết kế từ $12.000 \text{ m}^3/\text{h}$ trở lên.

- Trường hợp các trạm bơm có tổng lưu lượng từ $2.000 \text{ m}^3/\text{h}$ đến dưới $12.000 \text{ m}^3/\text{h}$ hoặc trạm bơm có phạm vi phục vụ tưới liên xã (không kể quy mô) thì Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoặc quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

d) Đối với cống tiêu thoát lũ, cống tạo nguồn (ngăn mặn, giữ ngọt): Có tổng chiều rộng thoát nước từ 20m trở lên và có yêu cầu quản lý vận hành phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoặc quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

đ) Đối với kênh tưới và công trình trên kênh thuộc công trình đầu mối (đập dâng, hồ chứa nước, trạm bơm) do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thì việc phân cấp quản lý kênh và công trình trên kênh thực hiện theo nguyên tắc: Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các kênh chính, kênh nhánh và các công trình trên kênh được tính từ vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến công trình thủy lợi đầu mối. Việc xác định quy mô, vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thực hiện theo Điều 6 Quy định này.

e) Đối với hệ thống tiêu, thoát nước, tưới tiêu kết hợp: Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tùy theo từng công trình cụ thể phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn trừ các công trình thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Đối với công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm quản lý.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 5. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các Công ty TNHH MTV Thủy lợi quản lý, khai thác các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo phương thức đặt hàng. Ủy ban nhân dân tỉnh Ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện lựa chọn, ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 21 Luật Thủy lợi.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho các Tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo phương thức đặt hàng, đấu thầu.

3. Đối với các công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì tổ chức, cá nhân đó quyết định phương thức khai thác.

Điều 6. Vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

1. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là vị trí chuyển giao sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ và được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng.

2. Quy mô thủy lợi nội đồng được quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế của khu vực tưới, tiêu đối với từng vùng như sau:

a) Vùng miền núi: Nhỏ hơn hoặc bằng 100ha;

Việc xác định xã miền núi được căn cứ theo Quyết định phân vùng của Thủ tướng Chính phủ.

b) Vùng còn lại: Nhỏ hơn hoặc bằng 200ha.

Trường hợp tổ chức thủy lợi cơ sở đáp ứng điều kiện năng lực, việc mở rộng quy mô thủy lợi nội đồng do UBND tỉnh quyết định.

Điều 7. Phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền các cấp trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi trên địa bàn tỉnh

1. Phương án bảo vệ công trình thủy lợi (trừ đập, hồ chứa nước)

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án đối với công trình thủy lợi lớn do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, phê duyệt Phương án đối với công trình thủy lợi trên địa bàn, trừ công trình thủy lợi được quy định tại điểm a khoản này và điểm c khoản này.

c) Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi nhỏ quyết định phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án đối với đập, hồ chứa nước lớn và đập, hồ chứa nước có phạm vi bảo vệ liên quan từ 02 xã trở lên.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định Phương án đối với đập, hồ chứa nước trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa nước được quy định tại điểm a khoản này và điểm c khoản này.

c) Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi nhỏ quyết định phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên.

4. Kiểm định an toàn đập

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương và dự toán, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

5. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn liên quan đến 02 xã trở lên.

6. Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án khai thác tài sản đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án khai thác tài sản đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

c) Trường hợp các nội dung của Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã có trong Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo Kế hoạch sản xuất, kinh doanh được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; không phải lập và phê duyệt Đề án khai thác tài sản.

7. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng là công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ các công trình thủy lợi nhỏ, công trình thủy lợi nội đồng. Trình tự thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã trừ các công trình thủy lợi nhỏ, công trình thủy lợi nội đồng. Trình tự thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

7. Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý.

b) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi lập kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trừ quy định tại điểm c khoản này.

c) Đối với chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được tính vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị hàng năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện quy định này.

b) Tham mưu UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi; hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh; tham mưu công tác quản lý, khai thác (giao, nhận) các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các công trình thủy lợi quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 57 Luật Thủy lợi.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan, địa phương, đơn vị trong việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo đúng quy định hiện hành.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

- Hướng dẫn các địa phương, đơn vị các nội dung có liên quan trong thực hiện khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoặc liên quan đến vốn nhà nước theo quy định hiện hành.

- Quản lý, phân bổ kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo kế hoạch được duyệt cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định.

- Theo chức năng nhiệm vụ được giao tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn thuộc phạm vi quản lý để thực hiện công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan đến công tác quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp xã hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp, các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong việc quản lý, sử dụng lao động theo quy định hiện hành.

4. UBND cấp xã

a) Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn. Hướng dẫn các địa phương thành lập, củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực Tổ chức thủy lợi cơ sở để quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

b) Phối hợp quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được giao quản lý theo thẩm quyền.

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 3 Điều 57 Luật Thủy lợi và các trách nhiệm quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

d) Lập hồ sơ xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với các công trình được giao quản lý; thẩm định, phê duyệt và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh; tổ chức giao, nhận trên thực địa.

5. Công ty TNHH MTV Thủy lợi

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được giao quản lý tài sản, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ tại Điều 53, Điều 54 Luật Thủy lợi; rà soát các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP thực hiện đăng ký hoặc cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và các quy định liên quan khác của pháp luật hiện hành.

c) Sắp xếp bộ máy chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo năng lực đáp ứng theo quy định hiện hành của pháp luật.

d) Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

đ) Lập hồ sơ xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với các công trình được giao quản lý, khai thác trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức giao, nhận trên thực địa với Ủy ban nhân dân cấp xã và các Tổ chức thủy lợi cơ sở.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành./.